

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI
03 NĂM (2023 - 2025)
PHẦN THỨ NHẤT
Tình hình kinh tế - xã hội và Tài chính - Ngân sách nhà nước
tỉnh Đồng Nai năm 2022

I. Tình hình kinh tế - xã hội

Nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2022 được triển khai trong bối cảnh tình hình chính trị - xã hội ổn định, dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt, việc triển khai các giải pháp chính sách hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân đã bước đầu phát huy tác dụng; nền kinh tế tiếp tục phục hồi và đạt được kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực¹. Tuy nhiên, nền kinh tế còn đối mặt nhiều khó khăn, thách thức, chịu tác động, ảnh hưởng mạnh của những biến động từ bên ngoài như xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine, chính sách kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt của Trung Quốc đã ảnh hưởng đến các chuỗi cung ứng và đẩy giá xăng dầu, lương thực và một số nguyên liệu đầu vào tăng cao; việc điều chỉnh chính sách tiền tệ, tài khóa ở Mỹ, EU và một số nước để kiểm soát tình trạng lạm phát, đã tác động đến thị trường tài chính, hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu; áp lực kiểm soát gia tăng. Hoạt động sản xuất - kinh doanh của một số lĩnh vực còn khó khăn; giải ngân vốn đầu tư công chậm; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh còn diễn biến phức tạp,...

II. Tình hình tài chính - ngân sách nhà nước

Với tình hình kinh tế - xã hội ổn định và phát triển, với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, sự nỗ lực các ngành, các cấp, người dân, nhìn chung tình hình tài chính - ngân sách năm 2022 đạt được nhiều thành tựu. Cụ thể:

1. Thu ngân sách nhà nước

Ước tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 62.855.678 triệu đồng.

Đạt 114% dự toán giao đầu năm và bằng 95% so với cùng kỳ năm 2021 (66.141.095 triệu đồng).

Cụ thể:

- Ước thu nội địa: 42.055.678 triệu đồng.

¹ Năm 2022, tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP tăng 8,52% so với cùng kỳ, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,32% so với cùng kỳ, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 23,56% so với cùng kỳ

Đạt 109% dự toán giao đầu năm và bằng 90% so với cùng kỳ năm 2021 (46.476.713 triệu đồng).

- Ước thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 20.800.000 triệu đồng.

Đạt 126% dự toán giao đầu năm và tăng 6% so với cùng kỳ năm 2021 (19.664.382 triệu đồng).

Nhìn chung về tổng thể thu ngân sách năm 2022 đạt và vượt khá so với dự toán HĐND tỉnh giao.

1.1 Các thuận lợi trong việc thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022

- Sự chỉ đạo giám sát sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, quyết tâm cao của toàn ngành tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách năm 2022. Toàn ngành Tài chính đã tập trung khai thác một số nguồn thu ngay từ đầu năm để bù đắp thiếu hụt một số nguồn thu do ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19 và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sau dịch bệnh của Chính phủ, đảm bảo vừa tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tập trung sản xuất kinh doanh, vừa thực hiện thu đúng, thu đủ số phát sinh theo quy định.

- Việc triển khai thực hiện các chính sách của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và chính sách tài khóa đã tác động rõ nét đến hoạt động kinh tế - xã hội là cơ sở cho việc thực hiện tốt các nhiệm vụ thu ngân sách.

- Bên cạnh đó tích cực rà soát, khai thác các nguồn thu từ số phát sinh quý; rà soát, đôn đốc các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế Tài nguyên sau quyết toán thuế theo quy định; tiếp tục rà soát, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế TNDN và tiền thuê đất được gia hạn đến thời hạn phải nộp. Đồng thời, triển khai, đôn đốc các doanh nghiệp tạm nộp thuế TNDN theo Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế;

- Công tác quản lý và khai thác tốt các khoản thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân trong hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng vốn góp phần làm tăng thu cho ngân sách.

- Trong những tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh cũng phát sinh lớn số thu tiền sử dụng đất (SDĐ). Cụ thể thu tiền SDĐ của Công Ty TNHH Đầu Tư Phú Việt Tín nộp 1.006 tỷ đồng; Công Ty Cổ Phần Long Thành Riverside 293 tỷ đồng; Công Ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Tiến Lộc 230 tỷ đồng; Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Nhà Đồng Nai 200 tỷ đồng; Công Ty TNHH Kinh Doanh BĐS Cát Linh 69 tỷ đồng; Công Ty Cổ Phần TM&DV Bất Động Sản Nghi Dưỡng Ý Ngọc

Bình Thuận 52 tỷ đồng; Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Phát Triển Long Điền 26 tỷ đồng;...

- Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, không để phát sinh nợ thuế mới; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách. Công tác thanh tra, kiểm tra ngay từ đầu năm 2022 cũng được triển khai mạnh. Cụ thể số truy thu và phạt qua thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp 10 tháng đầu năm là: 796 tỷ đồng; truy hoàn 4,03 tỷ đồng; giảm lỗ 1.633 tỷ đồng; số khấu trừ: 18,2 tỷ đồng; số đã nộp ngân sách nhà nước là 491,8 tỷ đồng (62%). Bên cạnh đó, công tác đôn đốc thu nợ cũng đã tích cực triển khai, số thu nợ từ năm trước chuyển sang đến hết tháng 9 là 997 tỷ đồng, đạt 52% chỉ tiêu thu nợ.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính, triển khai đẩy mạnh thủ tục điện tử đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác chặt chẽ từ phía cộng đồng doanh nghiệp. Góp phần minh bạch về các thủ tục hành chính, giảm bớt tình hình gian lận trong kê khai thuế, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân trong việc thực hiện và giám sát. Việc phối hợp thu ngân sách nhà nước với các Ngân hàng thương mại, với Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục thuế, hải quan, thông quan hàng hóa nhanh chóng khi chương trình liên tục tự động cập nhật giấy nộp tiền và giải tỏa nợ thuế cho doanh nghiệp.

1.2 Các khó khăn trong việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước

- Do ảnh hưởng của việc suy giảm kinh tế trên diện rộng sau đại dịch Covid-19 cùng với đó là tình hình chiến sự Đông Âu giữa các nước phương Tây, giá cả một số mặt hàng tiêu dùng biến động thất thường, giá nhiên liệu trong quý II/2022 tăng cao đã ảnh hưởng đến khả năng huy động, khai thác nguồn thu.

- Bên cạnh đó, việc thực hiện theo một số quy định như:

+ Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19. Trong đó, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021;

+ Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 của Chính phủ quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, rơ moóc hoặc xe sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước thì mức thu lệ phí trước bạ bằng 50% mức thu quy định từ ngày 01/12/2021 đến ngày 31/05/2022;

+ Nghị quyết số 34/2022/NQ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022;

+ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị Quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về

chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội nên nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã lợi dụng chính sách ưu đãi của nhà nước để dây dưa kéo dài trong việc kê khai và nộp thuế, do đó đã ảnh hưởng đến tình hình huy động nguồn thu vào ngân sách.

- Địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai có 70% doanh nghiệp làm hàng gia công, hàng sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất, hàng hóa nhập khẩu chủ yếu của 03 loại hình này dùng để sản xuất hàng hóa và xuất khẩu nên được miễn thuế. Vì vậy, nguồn thu thuế chủ yếu là từ việc các doanh nghiệp còn lại nhập khẩu hàng hóa để phục vụ cho sản xuất hàng hóa tiêu dùng trong nước. Máy móc, thiết bị của các dự án đầu tư mới không tăng nhiều, đa phần là các dự án đầu tư hiện đang hoạt động sản xuất ổn định, rất ít các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư thay thế công nghệ nên số thu thuế GTGT từ nguồn này cũng không có đột biến.

- Kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng trọng yếu giảm làm giảm số thu thuế năm 2022 giảm như: xơ, sợi dệt các loại; gỗ và sản phẩm gỗ; giấy các loại, phân bón các loại,...

- Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định cam kết quốc tế WTO, CEPT/AFTA,... làm giảm số thu năm 2022.

- Thuế GTGT giảm 2% (từ 10% còn 8%) của một số hàng hóa từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022 theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ làm giảm số thu thuế GTGT năm 2022.

2. Chi ngân sách địa phương

* Ước tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 22.708.110 triệu đồng.

Bằng 101% dự toán giao đầu năm, bằng 88% so với cùng kỳ.

- Ước chi đầu tư phát triển: 8.155.000 triệu đồng.

Bằng 95% dự toán giao đầu năm, bằng 95% so với cùng kỳ.

- Ước chi thường xuyên: 13.329.000 triệu đồng.

Đạt 99% dự toán giao đầu năm và bằng 78% so với dự toán cùng kỳ.

- Ước chi lập quỹ dự trữ tài chính: 752.910 triệu đồng.

- Ước chi từ dự phòng ngân sách: 471.200 triệu đồng.

* Ước thực hiện chi đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương: 275.000 triệu đồng đạt 23% dự toán giao đầu năm.

2.1 Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển

- Việc cân đối vốn kế hoạch năm 2022 đảm bảo thứ tự ưu tiên trong công tác bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thường xuyên tổ chức giám sát, đánh giá dự án đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện giải ngân đúng tiến độ, phù hợp với vốn kế hoạch giao

không dễ xảy ra nợ đọng. Trong năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đôn đốc giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022; đồng thời cũng chủ trì làm việc với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị chủ đầu tư để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân của dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Thực hiện thẩm định chủ trương đầu tư kịp thời và thẩm định các dự án đầu tư để hoàn thiện hồ sơ chuẩn bị giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022, giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 và bổ sung danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025.

* Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số khó khăn sau:

- Ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường như giá thép, xi-măng, cát, sỏi, nhân công, ca máy,... đều tăng đáng kể, phần lớn hợp đồng ký với chủ đầu tư lại theo hình thức trọn gói nên nhà thầu không chỉ giảm lợi nhuận mà còn đứng trước nguy cơ thua lỗ nếu không có biện pháp ứng phó và được tháo gỡ khó khăn kịp thời. Nhằm ứng phó với tình hình "báo giá" vật liệu xây dựng, hầu hết doanh nghiệp lớn đều phải bỏ ra khoản kinh phí lớn để đặt mua vật liệu ngay khi ký hợp đồng với chủ đầu tư làm dự trữ. Đồng thời tập trung siết chặt hoạt động sản xuất tại công trường nhằm giảm thiểu hao hụt vật liệu, tăng năng suất lao động rút ngắn thời gian thi công. Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp nào cũng đủ tiềm lực tài chính để mua dự trữ, đồng thời việc dự trữ tiềm ẩn nhiều nguy cơ dẫn đến rủi ro. Đối với các doanh nghiệp nhỏ, năng lực kinh tế chưa mạnh nên trước sự ảnh hưởng của tình hình biến động giá thì bị động trong tiến độ nhập, mua sắm vật tư nên tiến độ thi công chung bị trì hoãn.

- Một số dự án bố trí vốn khởi công mới năm 2022 đang thực hiện thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, trình thẩm định phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu làm cơ sở lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp (dự kiến khởi công vào quý IV/2022). Tỷ lệ giải ngân các tháng đầu năm chưa cao là do chỉ thanh toán phần khối lượng tư vấn.

- Một số dự án phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng (đặc biệt là các dự án giao thông như: Đường Vành đai thị trấn Định Quán 118,3 tỷ đồng; Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron 666,186 tỷ đồng; Nạo vét Suối Săn Máu 53 tỷ đồng; Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu- Suối Xiệp 80 tỷ đồng; Nâng cấp đường tỉnh 763 là 60 tỷ đồng) đang thực hiện công tác đo vẽ, kiểm đếm, công bố... theo quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư đến quý IV/2022 mới hoàn thành thủ tục để chi trả tiền bồi thường cho dân nên các tháng đầu năm chưa có khối lượng để thanh

toán. Ngoài ra, một số địa phương gặp khó khăn trong việc xác định đơn giá bồi thường cây trồng cũng ảnh hưởng đến tiến độ bồi thường².

- Một số dự án khởi công mới thuộc kế hoạch năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 nên đến cuối năm 2021 mới hoàn thành thủ tục đấu thầu để khởi công thi công xây lắp và thực hiện tạm ứng hợp đồng khá lớn. Kế hoạch năm 2022 bố trí vốn chuyển tiếp. Tỷ lệ giải ngân các tháng đầu năm chưa cao là do phải hoàn ứng phần tạm ứng hợp đồng.

- Riêng nguồn vốn ODA vướng mắc về Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa đến nay chưa giải ngân. Nguyên nhân là do cơ quan tài trợ JICA quan ngại ảnh hưởng Dioxin trong vùng thực hiện dự án nên hồ sơ đang vướng mắc và tạm ngừng. UBND tỉnh đã có nhiều Văn bản gửi cơ quan tài trợ JICA khẳng định vấn đề dioxin không ảnh hưởng đến phạm vi triển khai dự án và kiến nghị cho dự án tiếp tục thực hiện. Tuy nhiên, cơ quan tài trợ JICA vẫn không thống nhất. Ngày 13/6/2022, UBND tỉnh Đồng Nai đã có Văn bản số 5906/UBND-KTN báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA; Trong đó, UBND tỉnh đã báo cáo kết quả đánh giá việc sử dụng công nghệ của dự án, đồng thời kiến nghị dừng việc vay vốn ODA và ngân sách địa phương sẽ cam kết bố trí vốn để tiếp tục triển khai thực hiện dự án sau khi được trung ương chấp thuận dừng vay vốn.

Đối với nguồn ngân sách Trung ương chưa phân bổ 490 tỷ đồng thực hiện dự án đối với dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch, giai đoạn 1. Nguyên nhân là do dự án mới được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2021 và chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư nên chưa đủ điều kiện bố trí vốn thực hiện dự án; Theo tiến độ thực hiện dự kiến trong năm 2022, nội dung này chỉ kịp hoàn thiện thủ tục lập Báo cáo nghiên cứu khả thi trình phê duyệt nên không sử dụng số vốn 490 tỷ đồng. Do đó, ngày 25/9/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1126/QĐ-TTg về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trong đó, giảm kế hoạch vốn của tỉnh Đồng Nai là 490 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, cũng có một số nguyên nhân mang tính chủ quan như:

- Một số công trình bố trí vốn khởi công mới năm 2022 đến nay chậm hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và hoàn thiện hồ sơ để tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công nên vẫn chưa giải ngân được vốn kế hoạch.

- Sau khi ký kết hợp đồng thi công dự án, một số chủ đầu tư chưa quyết liệt yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch triển khai cụ thể làm cơ sở theo dõi, đôn đốc kịp thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch được giao.

² Đến ngày 28 tháng 9 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh mới ban hành Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND để thay thế Quyết định số 11/2019/QĐ- UBND ngày 15/3/2019 về công tác xây dựng đơn giá bồi thường, hỗ trợ vườn cây cao su khi nhà nước thu hồi đất.

- Một số công trình chậm bồi thường giải phóng mặt bằng có một phần nguyên nhân chủ quan do: công tác phối hợp giữa chủ đầu tư và địa phương chưa thật chặt chẽ; UBND cấp huyện chưa quyết liệt chỉ đạo sát sao để đẩy nhanh tiến độ thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Vướng mắc trong việc chậm ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND tỉnh ngày 15/3/2019 về công tác xây dựng đơn giá bồi thường, hỗ trợ vườn cây cao su khi nhà nước thu hồi đất.

2.2 Đánh giá tình hình chi thường xuyên

Về chi thường xuyên trong năm 2022 về cơ bản đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời kinh phí thực hiện các chính sách chế độ, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ an ninh – quốc phòng, kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 4.921.000 triệu đồng đạt 90% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí hỗ trợ miễn giảm cho học sinh học nghề theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, kinh phí trang thiết bị sửa chữa cơ sở vật chất trường học, kinh phí Đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện, kinh phí tập huấn, chế độ bồi dưỡng cho giáo viên, vận động viên, huấn luyện viên, kinh phí thực hiện đề án sửa học đường,...

- Chi sự nghiệp y tế: 1.396.000 triệu đồng đạt 125% so với dự toán đầu năm. Cơ bản đảm bảo kinh phí thực hiện tốt công tác như: Phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế, phòng chống HIV/AIDS, kinh phí mua sắm đầu tư trang thiết bị cho ngành y tế trên địa bàn tỉnh, kinh phí thực hiện các chính sách thu hút, trợ cấp, hỗ trợ nhân viên ngành y tế,...

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 50.000 triệu đồng đạt 43% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đã đảm bảo kinh phí triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh. Tuy nhiên việc thực hiện các nhiệm vụ đề tài còn chậm và một số không triển khai thực hiện được nên số giải ngân đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao. UBND tỉnh sẽ thực hiện thu hồi kinh phí không sử dụng và trình HĐND tỉnh phân bổ cho các nhiệm vụ mới và đang phát sinh tại kỳ họp cuối năm 2022.

- Chi lĩnh vực văn hóa thông tin: 158.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi cho các ngày lễ lớn, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; kinh phí Sửa chữa, cải tạo các hạng mục tại di tích Khu ủy miền Đông Nam bộ,...

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 1.300.000 triệu đồng đạt 141% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội trên địa bàn, kinh phí thực hiện chi phòng chống dịch, chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 1.330.000 triệu đồng đạt 80% so với dự toán đầu năm. Trong sự nghiệp kinh tế, tỉnh đã tập trung đảm bảo các nhiệm chi phát triển nông nghiệp nông thôn, chi sự nghiệp kiến thiết thị chính; kinh phí thực hiện dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm; kinh phí đầu tư các thiết bị an toàn giao thông khắc phục điểm đen; kinh phí thực hiện nạo vét khơi thông dòng chảy lòng suối, kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh huyện, kinh phí thực hiện các dự án của sự nghiệp đất đai - tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản,....

- Chi sự nghiệp môi trường: 615.000 triệu đồng, đạt 81% dự toán đầu năm. Trong đó chủ yếu thực hiện nhiệm vụ các dự án, đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, kinh phí xử lý rác,....

- Chi quản lý hành chính: 2.400.000 triệu đồng đạt 114% dự toán đầu năm. Trong đó cơ bản đảm bảo đủ để thực hiện chi lương mức tiền lương tối thiểu, đảm bảo định mức chi hoạt động cho các đối tượng theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh,....

2.3 Bội chi

- Trong năm 2022, tỉnh Đồng Nai không phát sinh bội chi ngân sách mới.

- Dự nợ ngân sách đến 31/12/2022 là 235 triệu đồng. Theo quy định tại Khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách năm 2015 thì dự nợ cho phép trong năm 2021 của tỉnh là 8.245.627 triệu đồng (bằng 30% so với số thu ngân sách địa phương được hưởng trong năm 2021 là 27.485.424 triệu đồng). Như vậy, dự nợ ngân sách tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo quy định Luật Ngân sách năm 2015.

Đối với Dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1 sử dụng vốn vay ODA có cơ chế tài chính hỗn hợp là vay lại 30%/cấp phát 70%. Trong các năm gần đây kể từ ngày ký kết hợp đồng với Bộ Tài chính về nguồn vốn vay lại vốn nước ngoài, Tỉnh Đồng Nai đều được giao kế hoạch vốn hàng năm nhưng đều không giải ngân được do Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) còn đang quan ngại về vấn đề dioxin ảnh hưởng đến khu vực thực hiện dự án và hiện tại đang trong quá trình làm việc với Đại sứ quán Nhật Bản về vấn đề này. Do đó JICA chưa chấp thuận cho thực hiện các bước tiếp theo của dự án.

Hiện nay, giải pháp công nghệ của dự án được phê duyệt (*Công nghệ Bùn hoạt tính (CAS) kết hợp khí Nitơ*) không còn phù hợp với thực tế nên không đảm bảo tính khả thi đầu tư dự án. Do đó, ngày 16/02/2022, Tỉnh Đồng Nai đã có văn bản số 5497/UBND-KTNS báo cáo Bộ Tài chính về việc tạm dừng thực hiện và dừng vay vốn Nhật Bản của dự án Thoát nước và xử lý nước thải Biên Hòa – Đồng Nai.

2.4 Ước chi dự phòng ngân sách: 471.200 triệu đồng (về nội dung chi từ nguồn dự phòng UBND tỉnh sẽ có báo cáo riêng).

PHẦN THỨ II

Dự kiến tình hình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Kế hoạch Tài chính – Ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai 03 năm (2023 - 2025)

I. Dự kiến tình hình kinh tế - xã hội 03 năm 2023 - 2025

Dự kiến giai đoạn 2023 - 2025, bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, một số nền kinh tế lớn đối mặt với nguy cơ suy thoái, giá dầu và giá cả nguyên liệu đầu vào tăng cao tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu, tình hình chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,... làm gia tăng rủi ro, khó khăn, thách thức cho nền kinh tế Việt Nam nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng. Kế thừa những kết quả khả quan đạt được trong năm 2022, cùng với việc triển khai các chính sách tài khóa, tiền tệ trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, với đặc điểm địa lý thuận lợi, tình hình chính trị - xã hội ổn định, môi trường đầu tư được cải thiện, nỗ lực của các ngành các cấp, doanh nghiệp và người dân tỉnh, tin chắc rằng nền kinh tế tỉnh Đồng Nai sẽ vượt qua khó khăn, tận dụng được những thuận lợi, tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

II. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2023 - 2025.

Triển khai, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; an ninh - quốc phòng 05 năm 2021 - 2025 của tỉnh: *“Phát huy giá trị văn hóa; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; phát huy cao nhất các tiềm năng và lợi thế; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo vệ môi trường để phát triển bền vững; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Đồng Nai phát triển toàn diện về kinh tế, xã hội; là trung tâm công nghiệp và dịch vụ cảng hàng không, cảng nước sâu, cửa ngõ giao thương quốc tế; một trong những cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước vào năm 2025 và là một trong những tỉnh phát triển trong топ đầu của cả nước vào năm 2030.”*

III. Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025.

1. Mục tiêu, nhiệm vụ:

- Phân đấu hoàn thành nhiệm vụ ngân sách đã được Quốc hội, HĐND tỉnh giao.

- Chủ động điều hành ngân sách đảm bảo cân đối ngân sách, đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách, các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

- Đảm bảo vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2023 - 2025 tăng bình quân chung tối thiểu từ 5% - 6% theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/09/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

- Phân đấu tốc độ tăng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân chung cả nước bình quân khoảng 7-9%/năm; tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bình quân khoảng 4-6%/năm trong giai đoạn 2023 - 2025, theo hướng dẫn tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/07/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025.

2. Kế hoạch thu ngân sách nhà nước.

Dự kiến thu ngân sách giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Đồng Nai là 198.198.675 triệu đồng, cụ thể:

2.1 Về thu nội địa:

Với kết quả thực hiện thu nội địa năm 2022 và xu hướng kinh tế - xã hội như trên, dự kiến tổng thu nội địa giai đoạn 2023 - 2025 đạt 130.577.550 triệu đồng, trong đó:

a) Về thu nội địa năm 2023.

UBND tỉnh đã phối hợp làm việc với Bộ Tài chính và được giao chỉ tiêu như sau:

Tổng thu nội địa là 40.235.000 triệu đồng, bằng 96% ước thực hiện năm 2022. Trong đó:

+ Thu nội địa (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) là 35.500.000 triệu đồng bằng 104% so với ước thực hiện năm 2022.

+ Thu xổ số kiến thiết là 1730.000 triệu đồng, bằng 85% so với ước thực hiện năm 2022.

+ Thu tiền sử dụng đất: 2.500.000 triệu đồng, bằng 49% so với ước thực hiện năm 2022.

+ Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế: 505.000 triệu đồng, bằng 84% so với ước thực hiện năm 2022.

b) Dự kiến thu nội địa năm 2023 và 2024

Với kết quả thực hiện năm 2022, số Trung ương giao năm 2023, qua rà soát khả năng thực hiện giai đoạn 2024 - 2025, UBND tỉnh dự kiến thu nội địa ngân sách nhà nước giai đoạn 2024 - 2025 đạt 90.342.550 triệu đồng (năm 2023 là 43.430.000 triệu đồng, năm 2025 là 46.912.550 triệu đồng). Cụ thể:

+ Về thu nội địa (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế): Với kết quả thực hiện năm 2022, số giao của Trung ương năm 2023, với tình hình kinh tế - xã hội thuận lợi và còn nhiều khó khăn, khó lường như trên, UBND tỉnh dự kiến theo hướng tích cực tốc độ tăng thu nội địa (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế) 02 năm 2023 và 2024 khoảng 9%/năm (đảm bảo tốc độ tăng trưởng từ 07% - 09%/năm) và đạt 38.695.000 triệu đồng năm 2024, đạt 42.177.550 triệu đồng năm 2025.

+ Về thu xổ số kiến thiết: Với việc phải chia sẻ thị trường với xổ số điện toán (Vietlot) và sự cạnh tranh dữ dội giữa các công ty xổ số truyền thống hiện tại, thị trường xổ số đã tới điểm bão hòa, doanh số bán đã đạt rất cao trung bình khoảng 95% tổng số vé phát hành, khó mở rộng phát triển nguồn thu thêm. Theo đó, dự ước thu xổ số kiến thiết năm 2024 và năm 2025 bằng với dự toán năm 2023 là 1.730.000 triệu đồng.

+ Về thu tiền sử dụng đất: Dự kiến thu tiền sử dụng đất năm 2024 và năm 2025 bằng với dự toán năm 2023 và đạt 2.500.000 triệu đồng.

+ Về thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế: Dự kiến năm 2024 và năm 2025 bằng với dự toán năm 2023 và đạt 505.000 triệu đồng.

2.2 Về thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu:

- Chỉ tiêu giao thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất, nhập khẩu của Quốc hội năm 2023: 21.450.000 triệu đồng.

- Với kết quả thực hiện tốt năm 2022, số chỉ tiêu giao của Quốc hội năm 2023, trên cơ sở đánh giá khả năng thực hiện giai đoạn 2024 - 2025. UBND tỉnh đặt mục tiêu tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất, nhập khẩu giai

đoạn 2024 - 2025 theo hướng tích cực, đảm bảo quy định của trung ương (tăng tối thiểu 4 - 6%/năm) là trung bình 5%/năm và đạt 22.522.500 triệu đồng năm 2024, đạt 23.648.625 triệu đồng năm 2025.

3. Bội chi ngân sách giai đoạn 2023 -2025

Để thực hiện các tuyến giao thông đường bộ kết nối đến Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành, UBND tỉnh dự kiến nhu cầu bội chi từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

- Nhu cầu năm 2023 là 1.000.000 triệu đồng.
- Nhu cầu năm 2024 là 1.500.000 triệu đồng.
- Nhu cầu năm 2025 là 1.500.000 triệu đồng.

4. Kế hoạch chi cân đối ngân sách giai đoạn 2023 - 2025

4.1 Kế hoạch chi cân đối ngân sách năm 2023

Trên cơ sở nhu cầu, UBND tỉnh đã phối hợp làm việc với Bộ Kế Hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về dự toán chi cân đối năm 2023 và đã được giao chỉ tiêu như sau:

Chi ngân sách địa phương trong cân đối: 24.679.104 triệu đồng.

Tăng 10% so với dự toán năm 2022 và tăng 09% so với ước thực hiện. Bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 9.748.405 triệu đồng.

Tăng 14% so với dự toán năm 2022 và tăng 20% so với ước thực hiện.

Trong đó:

+ Chi nguồn ngân sách tập trung 4.518.405 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn tiền thu tiền sử dụng đất 2.500.000 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.730.000 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 14.454.207 triệu đồng.

- Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách: 473.582 triệu đồng.

4.2 Kế hoạch chi cân đối ngân sách năm 2024 và năm 2025.

Thực hiện định hướng tốc độ tăng chi đầu tư phát triển bình quân chung từ 5% - 6% theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/09/2020 của Thủ tướng Chính phủ, các quy định về trích lập nguồn cải cách tiền lương hằng năm.

Với kết quả thực hiện chi cân đối ngân sách năm 2022 và dự toán được giao năm 2023 như trên, nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm tỉnh

Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025 , UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi cân đối ngân sách năm 2024 và năm 2025 như sau:

- Năm 2024: Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước là 25.384.073 triệu đồng, bằng 98% so với năm 2023, trong đó:

| | |
|---------------------------------|------------------------|
| + Chi đầu tư phát triển: | 9.064.667 triệu đồng. |
| + Chi thường xuyên: | 14.863.450 triệu đồng. |
| + Chi trả lãi vay: | 110.260 triệu đồng. |
| + Chi lập quỹ dự trữ tài chính: | 2.910 triệu đồng. |
| + Chi dự phòng ngân sách: | 490.300 triệu đồng. |
| + Chi tạo nguồn CCTL: | 852.485 triệu đồng. |

- Năm 2025: Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước là 27.242.490 triệu đồng, bằng 107% so với năm 2024, trong đó:

| | |
|--------------------------------------|------------------------|
| + Chi đầu tư phát triển: | 9.354.747 triệu đồng. |
| + Chi thường xuyên: | 15.356.422 triệu đồng. |
| + Chi trả lãi vay: | 220.521 triệu đồng. |
| + Chi lập quỹ dự trữ tài chính: | 2.910 triệu đồng. |
| + Chi dự phòng ngân sách: | 526.496 triệu đồng. |
| + Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: | 1.781.693 triệu đồng. |

IV. Các giải pháp thực hiện.

- Tập trung theo dõi và dự báo tình hình kinh tế, đầu tư, tình hình phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, các thành phần kinh tế ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế, phí và lệ phí; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về thuế, tạo môi trường thuận lợi, thu hút cho tổ chức, cá nhân nộp thuế, rà soát kỹ, tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh hạch toán, nộp thuế vào ngân sách tỉnh.

- Đẩy mạnh, tạo chuyển biến rõ nét trong việc chống thất thu, xử lý và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; phân đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Tập trung theo dõi và dự báo tình hình kinh tế, đầu tư, tình hình phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và phát

triển sản xuất kinh doanh. Đồng thời kịp thời đánh giá những tác động đến số thu ngân sách do thực hiện các Luật thuế, Luật phí, lệ phí để kịp thời điều chỉnh đảm bảo cân đối ngân sách.

- Tập trung đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai dự án, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thanh toán và quyết toán vốn đầu tư, đảm bảo việc sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả

- Tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng sở, cơ quan cấp tỉnh và địa phương; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định. Tiếp tục cải cách hành chính và mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Thực hiện nghiêm Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đẩy nhanh việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy nhanh lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công; trên cơ sở đó, thực hiện cơ cấu lại ngân sách trong từng lĩnh vực, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập, dành nguồn để tăng chi hỗ trợ các đối tượng chính sách.

- Rà soát, tập trung các nguồn lực ngân sách của địa phương ngay từ đầu năm để cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi. Hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách mới làm tăng chi ngân sách, trường hợp cần thiết phải ban hành yêu cầu phải đảm bảo cân đối được nguồn vốn thực hiện.

- UBND các cấp tăng cường công tác theo dõi, đánh giá và dự báo thu chi ngân sách, trên cơ sở số thực thu vào ngân sách để bố trí giải ngân nhiệm vụ chi, trường hợp tiến độ thu ngân sách chưa đạt kế hoạch phải chủ động điều chỉnh ngay nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối ngân sách, trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ chi lương và đảm bảo an sinh xã hội.

- Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa căn cứ số thực thu nguồn này vào ngân sách thì mới bố trí vốn cho dự án, tránh tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản và mất cân đối ngân sách.

Trên đây là Báo cáo Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai 03 năm 2023 - 2025 được xây dựng trên nền tảng kết quả thực hiện năm 2022 và các năm trước đó, với giả định tình hình kinh tế - xã hội ổn định và phát triển, không có chính sách, chế độ mới làm thu - chi ngân sách biến động lớn. UBND tỉnh xây dựng, kính báo cáo HĐND tỉnh để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm. Căn cứ nhiệm vụ ngân sách do trung ương giao, tình hình thực tế tại địa phương, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hằng năm UBND tỉnh sẽ xây dựng dự toán trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Chánh - Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, THNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2023-2025

(Kèm theo Báo cáo số 323 /BC-UBND ngày 06 /12/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | NĂM HIỆN HÀNH 2022 | | DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN 2023 | SO SÁNH NĂM 2023 VỚI ƯỚC TH NĂM 2022 | DỰ KIẾN NĂM 2024 | DỰ KIẾN NĂM 2025 |
|-----|--|-----------------------|-----------|-----------------------------|--|---------------------|---------------------|
| | | DỰ TOÁN | ƯỚC TH | | | | |
| | | 1 | 2 | 3 | 4=3/2 | 5 | 6 |
| A | MỨC DỰ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSĐP | 6.377.178 | 7.787.067 | 7.103.731 | 91% | 7.615.222 | 8.172.747 |
| B | BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG | | - | 1.000.000 | | 1.500.000 | 1.500.000 |
| C | KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC | | | | | | |
| I | Tổng dư nợ đầu năm | 235,55 | 235,55 | 235,45 | 100% | 1.000.235 | 2.500.235 |
| | Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%) | 0,004% | 0,003% | 0,003% | 109,57% | 13,13% | 30,59% |
| - | Trái phiếu chính quyền địa phương | 235,55 | 235,55 | 235,45 | 100% | 1.000.235 | 2.500.235 |
| - | Dự án Hồ Cầu Mới | 235,55 | 235,55 | 235,45 | 100% | 235,35 | 235,25 |
| - | Các dự án quy hoạch các tuyến giao thông đường bộ kết nối đến Cảng HKQT Long Thành | - | - | - | - | 1.000.000 | 2.500.000 |
| II | Trả nợ gốc vay trong năm | - | 0,10 | 0,10 | 100% | 0,10 | 0,10 |
| 1 | Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay | - | 0,10 | 0,10 | 1,00 | 0,10 | 0,10 |
| - | Trái phiếu chính quyền địa phương | - | 0,10 | 0,10 | 100% | 0,10 | 0,10 |
| + | Dự án Hồ Cầu Mới | - | 0,10 | 0,10 | 100% | 0,10 | 0,10 |
| + | Các dự án quy hoạch các tuyến giao thông đường bộ kết nối đến Cảng HKQT Long Thành | - | - | - | - | - | - |
| 2 | Nguồn trả nợ | - | 0,10 | 0,10 | 100% | 0,10 | 0,10 |
| - | Từ nguồn vay | | | | | | |
| - | Bội thu ngân sách địa phương | | | | | | |
| - | Tăng thu, tiết kiệm chi | | | | | | |
| - | Kết dư ngân sách cấp tỉnh | - | 0,10 | 0,10 | 100% | 0,10 | 0,10 |
| III | Tổng mức vay trong năm | - | - | 1.000.000 | - | 1.500.000 | 1.500.000 |
| 1 | Theo mục đích vay | - | - | 1.000.000 | | 1.500.000 | 1.500.000 |
| - | Vay bù đắp bội chi | | | 1.000.000 | | 1.500.000 | 1.500.000 |
| - | Vay trả nợ gốc | | | | | | |
| 2 | Theo nguồn vay | - | - | 1.000.000 | | 1.500.000 | 1.500.000 |
| - | Trái phiếu chính quyền địa phương | - | - | 1.000.000 | - | 1.500.000 | 1.500.000 |
| IV | Tổng dư nợ cuối năm | 236 | 235 | 1.000.235 | 424819% | 2.500.235 | 4.000.235 |
| | Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%) | 0,004% | 0,003% | 14,080% | 465684% | 32,83% | 48,95% |
| | Trái phiếu chính quyền địa phương | 236 | 235 | 1.000.235 | 424819% | 2.500.235 | 4.000.235 |
| + | Vay trái phiếu Hồ cầu mới | 236 | 235 | 235 | 100% | 235 | 235 |
| + | Các dự án quy hoạch các tuyến giao thông đường bộ kết nối đến Cảng HKQT Long Thành | - | - | 1.000.000 | | 2.500.000 | 4.000.000 |
| D | Trả nợ lãi, phí | | 0,05 | 0,05 | 100% | 110.260 | 220.521 |

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2023 - 2025

(kèm theo Báo cáo số 323 /BC-UBND ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

| STT | Nội dung | NĂM 2022 | | So sánh | DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH | | |
|------|--|------------|---------------|---------|-------------------------|------------|------------|
| | | Dự toán | Ước thực hiện | | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 | 5 | 6 |
| A | TỔNG NGUỒN THU NSDP | 24.641.537 | 28.940.472 | 117% | 26.997.633 | 26.884.073 | 28.742.490 |
| I | Thu NSDP được hưởng theo phân cấp | 21.257.259 | 25.956.888 | 122% | 23.679.104 | 25.384.073 | 27.242.490 |
| II | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 1.178.878 | 688.878 | 58% | 2.043.529 | 0 | 0 |
| 1 | Thu bổ sung cân đối ngân sách | | | | | | |
| 2 | Thu bổ sung có mục tiêu | 1.178.878 | 688.878 | 58% | 2.043.529 | 0 | 0 |
| III | Thu từ quỹ dự trữ tài chính | | 0 | | | | |
| IV | Thu kết dư | | 20.208 | | 238.571 | | |
| V | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | 0 | | | | |
| VI | Thu từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương | 0 | 0 | | | | |
| VII | Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm trước | 2.200.000 | 2.274.498 | | 1.036.429 | | |
| VIII | BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP | 5.400 | 0 | | 1.000.000 | 1.500.000 | 1.500.000 |
| B | TỔNG CHI NSDP | 23.556.345 | 22.983.110 | 122% | 28.747.633 | 26.884.073 | 28.742.490 |
| I | Tổng chi cân đối ngân sách địa phương | 22.513.033 | 22.708.110 | 115% | 25.812.833 | 25.384.073 | 27.242.490 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 8.537.908 | 8.155.000 | 118% | 10.108.405 | 9.064.667 | 9.354.747 |
| 2 | Chi thường xuyên | 13.501.015 | 13.329.000 | 107% | 14.452.936 | 14.863.450 | 15.356.422 |
| 3 | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | 0 | 0 | | 0 | 110.260 | 220.521 |
| 4 | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 2.910 | 752.910 | 25873% | 752.910 | 2.910 | 2.910 |
| 5 | Dự phòng ngân sách | 471.200 | 471.200 | 106% | 498.582 | 490.300 | 526.196 |
| 6 | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | 0 | 0 | | 0 | 852.485 | 1.781.693 |
| II | Chi các chương trình mục tiêu | 1.037.912 | 275.000 | 186% | 1.934.800 | 0 | 0 |
| 1 | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia | | | | | | |
| 2 | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ | 1.037.912 | 275.000 | 186% | 1.934.800 | 0 | 0 |
| III | Chi chuyển nguồn sang năm sau | | | | | | |
| IV | BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP | 5.400 | 0 | | 1.000.000 | 1.500.000 | 1.500.000 |

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2023-2025**

(kèm theo Báo cáo số 323 /BC-UBND ngày 06 /12/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

| STT | Nội dung | Ước thực hiện năm 2022 | Dự toán ngân sách năm 2023 | So sánh | Dự kiến ngân sách năm 2024 | Dự kiến ngân sách năm 2025 |
|------------|---|------------------------|----------------------------|-------------|----------------------------|----------------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 | 5 |
| | TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | 62.855.678 | 61.685.000 | 98% | 65.952.500 | 70.561.175 |
| I | Thu nội địa | 42.055.678 | 40.235.000 | 96% | 43.430.000 | 46.912.550 |
| | (Thu nội địa không bao gồm tiền SXĐ, SXKT) | 34.861.000 | 36.005.000 | 103% | 39.200.000 | 42.682.550 |
| | (Thu nội địa không bao gồm tiền SXĐ, SXKT, cổ tức, lợi nhuận) | 34.261.000 | 35.500.000 | 104% | 38.695.000 | 42.177.550 |
| | Tốc độ tăng thu (%) | | -4% | | 8% | 8% |
| | Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%) | 67% | 65% | 97% | 66% | 66% |
| | Trong đó: | | | | | |
| 1 | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý | 1.468.500 | 1.800.000 | 123% | 1.962.000 | 2.138.580 |
| 2 | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý | 1.959.622 | 2.020.000 | 103% | 2.201.800 | 2.399.962 |
| 3 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 13.597.585 | 14.740.000 | 108% | 16.066.600 | 17.512.594 |
| 4 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 5.533.320 | 5.784.000 | 105% | 6.304.560 | 6.871.970 |
| 5 | Thuế thu nhập cá nhân | 6.473.424 | 6.565.000 | 101% | 7.155.850 | 7.799.877 |
| 6 | Thuế bảo vệ môi trường | 530.256 | 1.030.000 | 194% | 1.122.700 | 1.223.743 |
| 7 | Lệ phí trước bạ | 1.745.338 | 1.350.000 | 77% | 1.471.500 | 1.603.935 |
| 8 | Thu tiền sử dụng đất | 5.150.252 | 2.500.000 | 49% | 2.500.000 | 2.500.000 |
| 9 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết | 2.044.426 | 1.730.000 | 85% | 1.730.000 | 1.730.000 |
| 10 | Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi NHNN | 600.000 | 505.000 | 84% | 505.000 | 505.000 |
| 11 | Các khoản thu khác | 2.952.955 | 2.211.000 | 75% | 2.409.990 | 2.626.889 |
| II | Thu từ dầu thô | | | | | |
| III | Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu | 20.800.000 | 21.450.000 | 103% | 22.522.500 | 23.648.625 |
| | Tốc độ tăng thu (%) | | 3% | | 5% | 5% |
| | Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%) | 33% | 35% | | 34% | 34% |